

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01/7/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Cần và bà Võ Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Đinh TH Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh P.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn TH, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 06/8/2018.

Sau khi kết hôn, chị T và anh TH chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm. Anh TH nhiều lần chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị T vô cớ khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không

còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn tình cảm nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TH.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH có 01 con chung tên: Nông Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/4/2020.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Thị Quỳnh N cho đến khi cháu N thành niên và tự lập được. Chị T không yêu cầu anh TH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Nông Văn TH trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn TH và chị Trương Thị T có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 06/8/2018.

Trong thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm nên giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không được hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân khoảng 2 năm nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Chị T xin ly hôn, anh TH nhất trí.

Về con chung: Anh Nông Văn TH và chị Trương Thị T có 01 con chung tên: Nông Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/4/2020.

Anh TH đề nghị Tòa án giao cháu Nông Thị Quỳnh N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N thành niên và tự lập được. Anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nông Văn TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì chị T và anh TH phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TH và anh TH cũng nhất trí ly hôn với chị T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Nông Thị Quỳnh N cho đến khi cháu N thành niên và tự lập được. Chị T không yêu cầu anh

TH cấp dưỡng nuôi con. Anh TH cũng nhất trí giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Nông Thị Quỳnh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Nông Văn TH có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh TH là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với anh TH, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh TH. Anh TH cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh TH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn TH đều thừa nhận có 01 con chung tên là: Nông Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/4/2020.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Thị Quỳnh N. Hiện nay, cháu N đang còn nhỏ, là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ, anh TH cũng nhất trí giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu N. Do đó, cần giao cháu Nông Thị Quỳnh N cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh TH phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh TH cũng có ý kiến anh không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy,

Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh TH đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nông Văn TH.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/4/2020 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu N chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nông Văn TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006673 ngày 17/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt